



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

4403000108
3800311306

ngày 01 tháng 01 năm 2008
ngày 16 tháng 03 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3800311306 ngày 16 tháng 03 năm 2011. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú
Ông Lê Minh Tuấn
Ông Nguyễn Quang Quyền
Ông Nguyễn Anh Vũ
Ông Lê Quốc Vũ

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 23 tháng 4 năm 2016)
Thành viên
(đến ngày 22 tháng 4 năm 2016)

Ông Lưu Ngọc Mai Phi

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú
Ông Lê Minh Tuấn
Ông Đinh Văn Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu 5, Phường Thác Mơ
Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Nguyễn Thành Phú
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 12 tháng 8 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm và cho kỳ sáu tháng kết lần lượt tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 3 năm 2016 và báo cáo soát xét ngày 26 tháng 8 năm 2015.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-01-255/01



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		686.632.377.655	682.381.425.335
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	43.308.726.477	130.392.029.221
Tiền	111		20.259.768.785	3.205.473.336
Các khoản tương đương tiền	112		23.048.957.692	127.186.555.885
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		481.003.572.805	441.352.656.116
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	481.003.572.805	441.352.656.116
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		155.034.435.359	101.034.803.329
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	83.100.306.656	49.037.474.137
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.339.155.326	120.377.500
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	68.851.107.942	52.684.687.646
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(256.134.565)	(807.735.954)
Hàng tồn kho	140	9	7.245.119.202	7.376.738.563
Hàng tồn kho	141		7.245.119.202	7.376.738.563
Tài sản ngắn hạn khác	150		40.523.812	2.225.198.106
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		40.523.812	75.465.262
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.149.732.844

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		555.055.628.110	659.890.617.411
Tài sản cố định	220		249.716.807.292	307.859.430.486
Tài sản cố định hữu hình	221	10	234.188.925.330	292.073.390.190
<i>Nguyên giá</i>	222		1.975.506.388.478	1.977.402.618.599
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.741.317.463.148)	(1.685.329.228.409)
Tài sản cố định vô hình	227	11	15.527.881.962	15.786.040.296
<i>Nguyên giá</i>	228		17.417.750.910	17.417.750.910
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.889.868.948)	(1.631.710.614)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.838.713.434	1.128.628.795
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.838.713.434	1.128.628.795
Đầu tư tài chính dài hạn	250		300.781.213.831	348.170.084.318
Đầu tư vào công ty con	251	6(b)	186.134.430.000	186.134.430.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	6(b)	22.800.000.000	17.800.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	150.860.000.000	150.860.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(59.013.216.169)	(17.308.595.704)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	-	10.684.250.022
Tài sản dài hạn khác	260		2.718.893.553	2.732.473.812
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.718.893.553	2.732.473.812
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.241.688.005.765	1.342.272.042.746

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		367.624.801.492	306.468.987.026
Nợ ngắn hạn	310		174.407.188.024	100.729.793.808
Phải trả người bán ngắn hạn	311		611.729.497	1.553.056.770
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.438.000	18.438.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13	12.660.059.837	12.339.228.839
Phải trả người lao động	314		7.167.754.167	17.274.436.151
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	5.727.427.533	5.089.339.351
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	9.309.506.447	7.352.774.874
Vay ngắn hạn	320	16(a)	123.024.365.921	45.350.025.691
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	15.887.906.622	11.752.494.132
Nợ dài hạn	330		193.217.613.468	205.739.193.218
Vay dài hạn	338	16(b)	189.579.000.000	202.079.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.895.461.625	1.917.041.375
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.743.151.843	1.743.151.843
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		874.063.204.273	1.035.803.055.720
Vốn chủ sở hữu	410	18	874.063.204.273	1.035.803.055.720
Vốn cổ phần	411	19	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091	56.454.368.091
Quỹ đầu tư phát triển	418		90.688.965.210	70.688.965.210
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.919.870.972	208.659.722.419
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.840.722.419	9.017.325.178
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.079.148.553	199.642.397.241
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.241.688.005.765	1.342.272.042.746

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Bùi Thị Kim Na
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Huỳnh Văn Khánh
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Thanh Phú
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	165.167.048.885	314.508.170.750
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	99.681.444.045	132.029.170.952
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		65.485.604.840	182.478.999.798
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	19.959.187.441	13.268.134.462
Chi phí tài chính	22	25	52.945.581.619	11.186.349.168
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.240.961.154</i>	<i>11.186.349.168</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	7.904.903.947	20.379.828.587
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		24.594.306.715	164.180.956.505
Thu nhập khác	31		790.909.091	5.454.546
Chi phí khác	32		8.724.000	2.500.000
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		782.185.091	2.954.546
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		25.376.491.806	164.183.911.051
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	4.297.343.253	36.156.496.431
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		21.079.148.553	128.027.414.620

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Bùi Thị Kim Na
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		25.376.491.806	164.183.911.051
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		58.142.623.194	63.375.068.956
Các khoản dự phòng	03		41.153.019.076	11.838.098.122
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(17.020.283.950)	(13.268.134.462)
Chi phí lãi vay	06		11.240.961.154	11.186.349.168
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		118.892.811.280	237.315.292.835
Biến động các khoản phải thu	09		(41.431.706.100)	(79.532.975.176)
Biến động hàng tồn kho	10		145.199.620	1.808.139.135
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(5.529.757.464)	6.354.450.773
Biến động chi phí trả trước	12		34.941.450	(2.075.225.801)
			72.111.488.786	163.869.681.766
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.144.438.130)	(18.898.917.894)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.719.991.717)	(47.228.787.109)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.705.167.260)	(1.747.119.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.541.891.679	95.994.857.163
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(710.084.639)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		529.090.909	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(60.684.250.022)	-
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24		35.292.583.355	34.938.374.470
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết	25		(5.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27		3.049.601.344	8.797.257.549
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.523.059.053)	41.735.632.019

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	258.963.599.284	198.770.661.886
Tiền trả nợ gốc vay	34	(193.789.259.054)	(158.618.848.036)
Tiền trả cổ tức	36	(173.276.475.600)	(172.946.493.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(108.102.135.370)	(132.794.679.650)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(87.083.302.744)	4.935.809.532
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	130.392.029.221	185.782.344.139
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	43.308.726.477	190.718.153.671

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Bùi Thị Kim Na
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Huỳnh Văn Khánh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng (thủy điện);
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây lắp. Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây công nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ du lịch; và
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của các nhà máy điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (1/1/2016: 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tên đơn vị	Loại hình	Phần trăm vốn sở hữu tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
		30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Thủy điện	99,78%	99,78%	99,92%	99,92%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Thủy điện	61,52%	61,52%	61,52%	61,52%
Các công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Phong điện	20%	20%	20%	20%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	35%	35%	35%	35%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 128 nhân viên (1/1/2016: 130 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CDKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	20 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 10 đến 50 năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh.

Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư khoản mục “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với khoản mục “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán riêng. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ được cung cấp và chấp nhận bởi người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất này.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu nào trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được lập trên các báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hay trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	859.499.502	890.912.123
Tiền gửi ngân hàng	19.400.269.283	2.314.561.213
Các khoản tương đương tiền	23.048.957.692	127.186.555.885
	<hr/>	<hr/>
	43.308.726.477	130.392.029.221
	<hr/>	<hr/>

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	481.003.572.805	441.352.656.116
	<hr/>	<hr/>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	-	10.684.250.022
	<hr/>	<hr/>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại trên mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 182.048 triệu VND (1/1/2016: 159.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 16(a)).

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác

	30/6/2016				1/1/2016				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:									
Công ty con									
▪ Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên (*)	13.720.000	99,78%	99,92%	137.200.000.000	-	13.720.000	99,78%	137.200.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa (*)	4.893.443	61,52%	61,52%	48.934.430.000	-	4.893.443	61,52%	48.934.430.000	-
				186.134.430.000				186.134.430.000	
Công ty liên kết									
▪ Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (*)	2.140.000	20%	20%	21.400.000.000	-	1.640.000	20%	16.400.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư Khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ (*)	140.000	35%	35%	1.400.000.000	-	140.000	35%	1.400.000.000	-
				22.800.000.000				17.800.000.000	
Đơn vị khác									
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (*)	13.500.000	3%	3%	149.580.000.000	(59.013.216.169)	13.500.000	3%	149.580.000.000	(17.308.595.704)
▪ Công ty Cổ phần Cơ điện Đồng Nai (*)	150.000	10%	10%	1.280.000.000	-	150.000	10%	1.280.000.000	-
				150.860.000.000	(59.013.216.169)			150.860.000.000	(17.308.595.704)
				359.794.430.000	(59.013.216.169)			354.794.430.000	(17.308.595.704)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Mua bán điện	81.225.775.902	46.337.756.103
Các khách hàng khác	1.874.530.754	2.699.718.034
	83.100.306.656	49.037.474.137

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty con		
Các công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	511.954.453	-
Công ty liên quan		
Công ty Mua bán điện	81.225.775.902	46.337.756.103
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	-	215.218.080
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	-	235.966.913

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	21.298.000.000	15.898.000.000
Công ty liên quan		
Ban quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng – Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	27.414.662.678	26.865.228.573
Các bên thứ ba		
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	18.342.340.830	8.475.749.133
Các khoản phải thu khác	1.796.104.434	1.445.709.940
	68.851.107.942	52.684.687.646

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

9. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Nguyên vật liệu	385.000.314	452.765.075
Công cụ và dụng cụ	115.375.939	96.154.931
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.744.742.949	6.827.818.557
	<hr/>	<hr/>
	7.245.119.202	7.376.738.563
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.245.125.408.542	604.586.317.725 (506.468.800)	117.868.348.596 (1.389.761.321)	9.822.543.736	1.977.402.618.599 (1.896.230.121)
Số dư cuối kỳ	1.245.125.408.542	604.079.848.925	116.478.587.275	9.822.543.736	1.975.506.388.478
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	965.412.268.211	596.991.227.918	113.875.075.521	9.050.656.759	1.685.329.228.409
Khấu hao trong kỳ	56.931.455.286	569.247.264 (506.468.800)	233.338.734 (1.389.761.321)	150.423.576	57.884.464.860 (1.896.230.121)
Số dư cuối kỳ	1.022.343.723.497	597.054.006.382	112.718.652.934	9.201.080.335	1.741.317.463.148
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	279.713.140.331	7.595.089.807	3.993.273.075	771.886.977	292.073.390.190
Số dư cuối kỳ	222.781.685.045	7.025.842.543	3.759.934.341	621.463.401	234.188.925.330

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 796.915 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 798.811 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 222.944 triệu VND (1/1/2016: 280.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16(b)).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	17.417.750.910
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.631.710.614
Khấu hao trong kỳ	258.158.334
Số dư cuối kỳ	1.889.868.948
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	15.786.040.296
Số dư cuối kỳ	15.527.881.962

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	1.128.628.795
Tăng trong kỳ	710.084.639
	1.838.713.434

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ đã cân trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	12.781.770.473	(10.003.869.767)	2.777.900.706
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.719.991.717	4.297.343.253	(8.719.991.717)	4.297.343.253
Thuế thu nhập cá nhân	7.272.825	2.338.855.705	(2.341.280.923)	4.847.607
Thuế tài nguyên	2.087.838.297	14.134.794.813	(13.633.236.839)	2.589.396.271
Các loại thuế khác	1.524.126.000	4.395.140.000	(2.928.694.000)	2.990.572.000
	12.339.228.839	37.947.904.244	(37.627.073.246)	12.660.059.837

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí lãi vay	5.185.862.375	5.089.339.351
Chi phí sửa chữa lớn	541.565.158	-
	5.727.427.533	5.089.339.351

15. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Cổ tức phải trả	8.180.610.112	6.457.085.712
Kinh phí công đoàn	-	29.900.000
Các khoản phải trả khác	1.128.896.335	865.789.162
	9.309.506.447	7.352.774.874

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 1/1/2016 VND	Biến động trong kỳ		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 30/6/2016 VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	20.350.025.691	258.963.599.284	(181.289.259.054)	98.024.365.921
Vay dài hạn đến hạn trả	25.000.000.000	12.500.000.000	(12.500.000.000)	25.000.000.000
	<u>45.350.025.691</u>	<u>271.463.599.284</u>	<u>(193.789.259.054)</u>	<u>123.024.365.921</u>

Điều khoản và điều kiện của khoản vay hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay có đảm bảo			
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước	VND	98.024.365.921	20.350.025.691

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 182.048 triệu VND (1/1/2016: 159.000 triệu VND) (Thuyết minh 6(a)).

(b) Vay dài hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	214.579.000.000	227.079.000.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
	<u>189.579.000.000</u>	<u>202.079.000.000</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay có đảm bảo				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước	VND	2021	214.579.000.000	227.079.000.000

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 222.944 triệu VND (1/1/2016: 280.000 triệu VND) (Thuyết minh 10).

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	11.752.494.132	7.484.278.038
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 18)	7.819.000.000	9.918.074.000
Sử dụng trong kỳ	(3.683.587.510)	(1.747.119.600)
Số dư cuối kỳ	15.887.906.622	15.655.232.438

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	700.000.000.000	56.454.368.091	28.589.508.420	235.684.855.968	1.020.728.732.479
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	128.027.414.620	128.027.414.620
Phân bổ vào các quỹ	-	-	42.099.456.790	(42.099.456.790)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(9.918.074.000)	(9.918.074.000)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(175.000.000.000)	(175.000.000.000)
Tăng khác	-	-	-	350.000.000	350.000.000
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	700.000.000.000	56.454.368.091	70.688.965.210	137.044.739.798	964.188.073.099
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	71.614.982.621	71.614.982.621
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	700.000.000.000	56.454.368.091	70.688.965.210	208.659.722.419	1.035.803.055.720
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	21.079.148.553	21.079.148.553
Phân bổ vào các quỹ	-	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(7.819.000.000)	(7.819.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(175.000.000.000)	(175.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	700.000.000.000	56.454.368.091	90.688.965.210	26.919.870.972	874.063.204.273

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty như sau:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 2015

20. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 là 175.000 triệu đồng (2015: phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 là 175.000 triệu đồng).

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Doanh thu bán điện	161.128.020.997	311.227.190.667
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	4.039.027.888	3.280.980.083
	<hr/>	<hr/>
	165.167.048.885	314.508.170.750
	<hr/>	<hr/>

23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	97.194.413.036	130.018.697.883
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	2.487.031.009	2.010.473.069
	<hr/>	<hr/>
	99.681.444.045	132.029.170.952
	<hr/>	<hr/>

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	16.491.193.041	13.268.134.462
Khác	3.467.994.400	-
	<hr/>	<hr/>
	19.959.187.441	13.268.134.462
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	11.240.961.154	11.186.349.168
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	41.704.620.465	-
	<hr/>	<hr/>
	52.945.581.619	11.186.349.168

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.117.819.908	6.696.273.008
Thuế, phí và lệ phí	45.184.000	3.000.971.000
Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	5.082.918.899
Chi phí khấu hao	710.356.248	587.127.006
Chi phí khác	3.031.543.791	5.012.538.674
	<hr/>	<hr/>
	7.904.903.947	20.379.828.587

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.094.920.478	2.197.028.000
Chi phí nhân công	11.668.495.548	17.169.791.147
Chi phí khấu hao	58.142.623.194	63.375.068.956
Chi phí sửa chữa lớn	12.408.007.129	22.345.839.000
Chi phí khác	24.272.301.643	47.321.272.436
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	4.297.343.253	36.156.496.431

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	25.376.491.806	164.183.911.051
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.075.298.361	36.120.460.431
Chi phí không được khấu trừ thuế	27.764.050	36.036.000
Thu nhập không bị tính thuế	(693.598.880)	-
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(112.120.278)	-
	4.297.343.253	36.156.496.431

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

29. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và dài hạn, phải thu ngắn hạn của khách hàng, và phải thu ngắn hạn khác.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	19.400.269.283	2.314.561.213
Các khoản tương đương tiền	(i)	23.048.957.692	127.186.555.885
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	(i)	481.003.572.805	441.352.656.116
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – thuần	(ii)	82.844.172.091	48.229.738.183
Phải thu ngắn hạn khác	(ii)	68.851.107.942	52.684.687.646
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	(i)	-	10.684.250.022
		675.148.079.813	682.452.449.065

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn và dài hạn

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn và dài hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn khác

Phải thu của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện mức lỗ ước tính có thể phát sinh liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích lập, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2015.

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	807.735.954	12.137.858.492
Hoàn nhập dự phòng	(551.601.389)	-
Số dư cuối kỳ	256.134.565	12.137.858.492

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	611.729.497	611.729.497	611.729.497	-	-	-
Phải trả người lao động	7.167.754.167	7.167.754.167	7.167.754.167	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.727.427.533	5.727.427.533	5.727.427.533	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	9.309.506.447	9.309.506.447	9.309.506.447	-	-	-
Vay ngắn hạn	98.024.365.921	101.039.308.424	101.039.308.424	-	-	-
Vay dài hạn	214.579.000.000	277.917.815.890	41.542.164.222	41.542.164.223	194.833.487.445	-
	335.419.783.565	401.773.541.958	165.397.890.290	41.542.164.223	194.833.487.445	-
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	1.553.056.770	1.553.056.770	1.553.056.770	-	-	-
Phải trả người lao động	17.274.436.151	17.274.436.151	17.274.436.151	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.089.339.351	5.089.339.351	5.089.339.351	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	7.352.774.874	7.352.774.874	7.352.774.874	-	-	-
Vay ngắn hạn	20.350.025.691	20.412.175.048	20.412.175.048	-	-	-
Vay dài hạn	227.079.000.000	294.878.881.308	40.032.376.200	42.272.239.292	143.618.359.858	68.955.905.958
	278.698.632.837	346.560.663.502	91.714.158.394	42.272.239.292	143.618.359.858	68.955.905.958

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh riêng của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Các khoản tương đương tiền	23.048.957.692	127.186.555.885
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	481.003.572.805	441.352.656.116
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	-	10.684.250.022
	504.052.530.497	579.223.462.023
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Tiền gửi ngân hàng	19.400.269.283	2.314.561.213
▪ Vay ngắn hạn	(98.024.365.921)	(20.350.025.691)
▪ Vay dài hạn	(214.579.000.000)	(227.079.000.000)
	(293.203.096.638)	(245.114.464.478)

Phân tích độ nhạy cảm của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 2.346 triệu VND lợi nhuận thuần trước hợp nhất sau thuế TNDN của Công ty (1/1/2016: 1.961 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

(i) Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản tài chính		
<i>Được phân loại và các khoản cho vay và phải thu</i>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền (*)	43.308.726.477	130.392.029.221
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn – ngắn hạn (*)	481.003.572.805	441.352.656.116
▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng – thuần (*)	82.844.172.091	48.229.738.183
▪ Phải thu ngắn hạn khác (*)	68.851.107.942	52.684.687.646
▪ Đầu tư vào công ty con (*)	186.134.430.000	186.134.430.000
▪ Đầu tư vào công ty liên kết (*)	22.800.000.000	17.800.000.000
▪ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác – thuần (*)	91.846.783.831	133.551.404.296
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn – dài hạn (*)	-	10.684.250.022
	976.788.793.146	1.020.829.195.484
Nợ phải trả tài chính		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>		
▪ Phải trả người bán ngắn hạn (*)	(611.729.497)	(1.553.056.770)
▪ Phải trả người lao động (*)	(7.167.754.167)	(17.274.436.151)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn (*)	(5.727.427.533)	(5.089.339.351)
▪ Phải trả ngắn hạn khác (*)	(9.309.506.447)	(7.352.774.874)
▪ Vay ngắn hạn (*)	(98.024.365.921)	(20.350.025.691)
▪ Vay dài hạn (*)	(214.579.000.000)	(227.079.000.000)
	(335.419.783.565)	(278.698.632.837)

(ii) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên		
Cổ tức đã trả	90.853.750.000	90.853.750.000
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên		
Tạm ứng vốn	5.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa		
Bán hàng hóa dịch vụ	465.413.139	-
Lãi cho vay	-	206.250.000
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình		
Góp vốn	5.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ		
Mua hàng hóa dịch vụ	119.587.420	-
Các công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh		
Cổ tức đã trả	72.359.350.000	69.152.600.000
Công ty Mua bán điện		
Doanh thu bán điện	161.128.020.997	311.227.190.667
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	128.743.460	-
Ban quản lý dự án thủy điện 6		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	226.894.531	-
Trung tâm Công nghệ thông tin - chi nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam		
Mua hàng hóa dịch vụ	80.200.000	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	266.800.000	222.600.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

31. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chuyển lãi tiền gửi thành tiền gửi có kỳ hạn	3.575.000.000	-

32. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Doanh thu bán điện của Công ty phụ thuộc vào biến động mùa vụ do kết quả của điều kiện thời tiết. Cụ thể, việc sản xuất điện phụ thuộc trực tiếp vào lượng mưa.

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Bùi Thị Kim Na
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc